

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 566A/2023/HC-PT

Ngày 21 tháng 7 năm 2023

V/v “*Khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 197/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2023 “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2005/2022/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 415/2023/QĐPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 77/12 đường T phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: E8/3 đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H

Địa chỉ: 12 Phan Đăng Lưu, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Mai Ngọc Nhân – Phó giám đốc chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: 77/12 T phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người kháng cáo: người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Minh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Bà Nguyễn Thị R đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04803/QSDĐ ngày 25 tháng 9 năm 2003 đối với 1.455 m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ 20 (TL 02/CT-UB), tại xã V, huyện B. Bà R và bà Nguyễn Thị T (vợ ông A) có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09 tháng 02 năm 2006, được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận ngày 10 tháng 02 năm 2006 đối với phần đất diện tích 49,4m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ 20 (TL 02/CT-UB) mà bà R đã được cấp quyền sử dụng tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay, ông A và vợ là Nguyễn Thị T sử dụng đất để trồng hoa màu, ổn định, ranh giới thửa đất xung quanh là rõ ràng và không có bất kỳ ai tranh chấp, khiếu nại.

Năm 2019, ông A đã nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H, chi nhánh huyện B (sau đây gọi tắt là Văn phòng) để đăng ký cập nhật biến động. Sau đó, Văn phòng giao công văn số 491/CNBC-ĐKCGCN ngày 06/02/2020 cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04803/QSDĐ cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R nhưng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa cá nhân bà R và bà Nguyễn Thị T nên đề nghị ông cung cấp ý kiến các thành viên trong hộ gia đình bà R. Ông đã nộp tài liệu chứng minh hộ bà R chỉ có 01 người là bà R, không có thành viên khác. Sau đó, ông yêu cầu hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà R và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Văn phòng nhận hồ sơ của ông và hẹn trả kết quả ngày 03/9/2020.

Ngày 16/9/2020, Văn phòng ban hành Công văn số 3835/CNBC-ĐKCGCN với nội dung chưa giải quyết hồ sơ đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị R và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cho ông với lý do “chờ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền”.

Hồ sơ của ông A đầy đủ và hợp lệ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 75, Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ và Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Về lý do “chờ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền” mà Văn phòng đề ra thì căn cứ khoản 11 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì ông A không thuộc trường hợp từ chối cấp giấy chứng nhận. Như vậy, ông A đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay không có quy định pháp luật nào cho phép cơ quan Nhà nước chờ hướng dẫn nên lý do mà Văn phòng đưa ra là không có cơ sở.

Ông A xác định Văn phòng không giải quyết hồ sơ của ông về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 49,4m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ 20 tại xã V, huyện B là trái quy định của pháp luật, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa, ông xác định các yêu cầu sau đây:

- Tuyên bố hành vi của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H là trái pháp luật, do đã không giải quyết hồ sơ của ông về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 49,4m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ 20 tại xã V, huyện B;
- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H phải chấm dứt hành vi trái pháp luật, thực hiện ngay việc giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 49,4m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ 20 tại xã V, huyện B cho ông.

Người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H có ý kiến trình bày tại văn bản số 9647/VPĐK-VNBC ngày 15/11/2022 và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày quan điểm, cụ thể:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04803/QSDD ngày 25 tháng 9 năm 2003 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R, gồm thửa 133, tờ bản đồ số 20 (TL 02/CT-UB), diện tích: 1455/9720m², thuộc bộ địa chính xã V, mục đích sử dụng: V (đất nông nghiệp), thời hạn sử dụng 50 năm. Năm 2006, bà Nguyễn Thị R chuyển nhượng một phần đất với diện tích 49,4m² cho bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 09 tháng 02 năm 2006 được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận ngày 10 tháng 02 năm 2006, không có số hợp đồng.

Năm 2020, ông Nguyễn Ngọc A nộp hồ sơ đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị R, trong thành phần hồ sơ có Tờ trình số 4898/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã V với nội dung đề xuất hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04803/QSDĐ ngày 25 tháng 9 năm 2003 do hộ bà Nguyễn Thị R không cung cấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để điều chỉnh biên động do đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 09 tháng 02 năm 2006 nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.

Ngày 16 tháng 09 năm 2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B có Công văn số 3835/CNBC-ĐKCGCN phúc đáp ông Nguyễn Ngọc A với nội dung chưa giải quyết hồ sơ đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị R và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần diện tích đất ông A mua năm 2006 vì lý do:

(1) Ủy ban nhân dân xã V có Tờ trình số 4898/TTr-UBND ngày 06/12/2017 kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04803/QSDĐ ngày 25 tháng 9 năm 2003 do hộ bà Nguyễn Thị R đứng tên là không đúng quy định.

(2) Diện tích đất mà ông A đề nghị cấp quyền sử dụng nhỏ hơn diện tích tối thiểu khi tách thửa theo quy định nên căn cứ khoản 5 Điều 19 và khoản 2, Điều 29 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Những trường hợp yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các bên tự ý tách thửa, diện tích sau khi tách thửa nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định hiện nay nhưng xảy ra trước thời điểm có quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về diện tích tối thiểu khi tách thửa, thì Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chưa xác định về cách thức, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, thể hiện tại văn bản số 3499/STNMT-VPĐK ngày 13/4/2018 và văn bản số 11300/STNMT-VPĐK ngày 15/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng có văn bản số 7020/VP-ĐT ngày 06/8/2019 giao Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do vậy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ban hành Công văn số 3835/CNBC-ĐKCGCN ngày 16 tháng 9 năm 2020 phúc đáp ông Nguyễn Ngọc A với nội dung chưa giải quyết hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp quy định.

Tại Bản án số 2005/2022/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điểm b Khoản 1 Điều 143, Điều 144, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A như sau:

- Bác yêu cầu tuyên bố hành vi không giải quyết hồ sơ của ông Nguyễn Ngọc A về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 49,4m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ 20 tại xã V, huyện B, của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H, là trái pháp luật;

- Bác yêu cầu buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H phải chấm dứt hành vi trái pháp luật; Thực hiện ngay việc giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 49,4m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ 20 tại xã V, huyện B cho ông A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/11/2022, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Minh Đ có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bản đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc A, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Người khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi không giải quyết hồ sơ của ông Nguyễn Ngọc A về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 49,4m² thuộc thửa 133, tờ bản đồ 20 tại xã V, huyện B của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H là trái pháp luật. Hành vi thể hiện bằng văn bản số 3835/CNBC-ĐKCGCN ngày 16/9/2020. Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 32, Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc A: Ông Nguyễn Ngọc A cho rằng ông đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị R nhưng bà Nguyễn Thị R không đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04803/QSDD ngày 25 tháng 9 năm 2003 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ bà Nguyễn Thị R để ông A làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên vẫn chưa hoàn thành. Mặt khác, ông A nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 49,4m², là một phần trong 1.455m² đất mà hộ bà Nguyễn Thị R được cấp quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận số 04803/QSDD nên không đủ điều kiện để đề nghị thu hồi, hủy giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 2, Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ. Công văn số 3835/CNBC-ĐKCGCN ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B, phúc đáp ông Nguyễn Ngọc A với nội dung chưa giải quyết hồ sơ đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị R là phù hợp quy định.

Căn cứ Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính Phủ (được bổ sung bởi khoản 23 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP, khoản 23 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính Phủ) hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, thì yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà trước đó đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai. Đối với hồ sơ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A là trường hợp các bên tự ý tách thửa, diện tích sau khi tách thửa nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định hiện nay nhưng xảy ra trước thời điểm có quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về diện tích tối thiểu khi tách thửa, người chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị R không cung cấp bản chính giấy chứng nhận để cập nhật. Nên hồ sơ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A chưa

đủ điều kiện để giải quyết theo quy định tại khoản 2, Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và cũng không đủ điều kiện để xử lý theo quy định điểm b, khoản 1, Điều 17, điểm b Khoản 1 Điều 18 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trường hợp của ông A thuộc trường hợp mà Sở Tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chưa xác định về thẩm quyền và hướng xử lý cấp giấy chứng nhận được thể hiện tại văn bản số 7772/STNMT-VPĐK ngày 14/9/2022 của Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh và văn bản số 3499/STNMT-VPĐK ngày 13/4/2018 và văn bản số 11300/STNMT-VPĐK ngày 15/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Công văn số 3835/CNBC-ĐKCGCN ngày 16 tháng 9 năm 2020 phúc đáp ông Nguyễn Ngọc A có nội dung chờ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, là phù hợp quy định.

Diện tích đất xin cấp giấy chứng nhận của ông A có diện tích 49,4 m², mục đích sử dụng là V - đất nông nghiệp. Căn cứ Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: “Trường hợp thửa đất thuộc khu vực quy hoạch, để sản xuất nông nghiệp: được phép tách thửa, thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại phải đảm bảo diện tích tối thiểu là 500m² đối với đất trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp khác và 1.000m² đối với đất trồng cây lâu năm...”. Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 29 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định: “không được công chứng, chứng thực, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không được làm thủ tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với trường hợp tự chia tách thửa đất đã đăng ký, đã được cấp Giấy chứng nhận thành hai hoặc nhiều thửa đất mà trong đó có ít nhất một thửa đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo qui định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”; Nên Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H chưa giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận đối với ông A, chờ hướng dẫn, là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở để chấp nhận. Cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ.

Xét kháng cáo của ông A không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhân định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0093689 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Nguyễn Ngọc A đã nộp đủ án phí.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003828 ngày 03/01/2023 (do ông Nguyễn Minh Đ nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Nguyễn Ngọc A đã nộp đủ án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc A, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 2005/2022/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố H về khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, cụ thể như sau:

- Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điểm b Khoản 1 Điều 143, Điều 144, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A như sau:

- Bác yêu cầu tuyên bố hành vi không giải quyết hồ sơ của ông Nguyễn Ngọc A về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 49,4m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ 20 tại xã V, huyện B, của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H, là trái pháp luật;
- Bác yêu cầu buộc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H phải chấm dứt hành vi trái pháp luật; Thực hiện ngay việc giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất 49,4m² thuộc thửa 133, tờ bản đồ 20 tại xã V, huyện B cho ông A.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0093689 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự

Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Nguyễn Ngọc A đã nộp đủ án phí.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003828 ngày 03/01/2023 (do ông Nguyễn Minh Đ nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Nguyễn Ngọc A đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Thanh Thúy